

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

*Cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31/12/2021*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán	7 - 8
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

55775
HÌNH
NGT
KIỂM T
SAO
ĐANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021.

1. **Khái quát về Công ty**

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 21/10/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CAM. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 08/11/2021.

Ngày 10/12/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8376/UBCK-GSĐC về việc dừng xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng do vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là dưới 30 tỷ đồng và số lượng nhà đầu tư không phải cổ đông lớn của Công ty nắm giữ dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết nên không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000 đồng.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2021 là 13.107.000.000 đồng.

2. **Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau theo Quyết định số 806/QĐ–UBND ngày 17/05/2018 của UBND Tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;

001
ANH
TINH
DÂN
VIỆT
P.C

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2021 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch	27/12/2019	
Ông Lưu Minh Hưng	Thành viên	27/12/2019	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	27/12/2019	
Ông Trần Lâm Nhã	Thành viên	27/12/2019	

Ngày 27/12/2019, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu, bầu Hội đồng quản trị cho Công ty nhiệm kỳ I từ năm 2020 đến 2025.

5. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2021 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Ong Văn Bảo	Trưởng ban	27/12/2019	28/12/2020
Ông Lý Kim Nguyên	Trưởng ban	29/04/2021	
Bà Trần Thị Em	Kiểm soát viên	27/12/2019	27/04/2021
Ông Trương Hữu Thạnh	Kiểm soát viên	27/04/2021	
Bà Lê Thị Hồng Quyên	Kiểm soát viên	27/04/2021	

Ngày 27/12/2019, Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu, bầu Ban kiểm soát cho Công ty nhiệm kỳ I từ năm 2020 đến 2025.

Ông Lý Kim Nguyên được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát thay thế cho Ông Ong Văn Bảo theo Nghị quyết số 07/NQ – BKS ngày 29/04/2021.

Kể từ ngày 01/01/2021, Ông Lý Kim Nguyên được Hội đồng quản trị phân công phụ trách Ban kiểm soát thay Ông Ong Văn Bảo thôi nhiệm vụ Trưởng Ban kiểm soát do nghỉ việc (theo Biên bản số 55/BB.HĐQT.2020, ngày 28/12/2020).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đương nhiệm trong năm 2021 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lưu Minh Hưng	Giám đốc	28/12/2020	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	27/12/2019	
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Giám đốc	29/04/2021	

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm 2021 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
- Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch HĐQT

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Lưu Minh Hưng, Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty nên Ông Lưu Minh Hưng sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính năm 2021.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 34.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước cũng như địa bàn tỉnh Cà Mau vì thế đã ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp kinh doanh sản xuất trên địa bàn dẫn đến doanh thu sụt giảm nhẹ nhưng chi phí đầu vào lại tăng cao, dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm mạnh. Tuy nhiên, nhìn chung mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đến kết quả kinh doanh của Công ty là nhẹ hơn so với các lĩnh vực khác trên địa bàn.

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cà Mau, ngày 22 tháng 02 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH





Số: 26/2022/BCKT/SV – CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau (“Công ty”) được lập ngày 13 tháng 01 năm 2022 từ trang 7 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

001
ÁNH
Y TNHH
TOÁN
VIỆ
TP.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2018-107-1

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2022

A blue ink signature of the auditor.

Trần Phương Yên

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

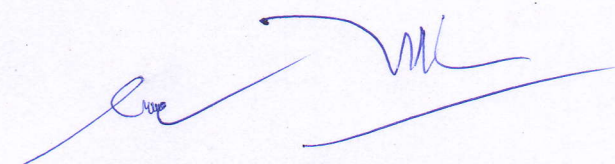
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.980.481.836	21.548.040.674
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	6.331.656.810	12.509.002.740
1. Tiền	111		6.331.656.810	12.509.002.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		8.681.730.392	8.516.456.995
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.314.782.493	7.197.135.038
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	41.767.500	71.086.590
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	366.668.899	1.248.235.367
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(41.488.500)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.6	714.245.325	452.339.949
1. Hàng tồn kho	141		714.245.325	452.339.949
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.7	252.849.309	70.240.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		222.419.712	70.240.990
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		30.429.597	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.125.056.897	47.502.593.211
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	V.8	-	38.660.054.923
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	38.660.054.923
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		9.057.649.396	8.703.433.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	9.057.649.396	8.703.433.487
- Nguyên giá	222		26.486.532.623	24.547.676.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.428.883.227)	(15.844.243.063)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		42.088.000	42.088.000
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	42.088.000	42.088.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		25.319.501	97.016.801
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	25.319.501	97.016.801
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.105.538.733	69.050.633.885

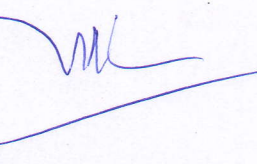
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

				Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.922.706.726	55.560.855.878	
I. Nợ ngắn hạn	310		11.727.501.727	14.664.693.874	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	82.597.000	141.714.300	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	16.353.850	11.882.850	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	599.646.031	406.980.445	
4. Phải trả người lao động	314	V.15	5.107.753.114	5.014.835.162	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	776.455.679	3.859.128.923	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.144.696.053	5.230.152.194	
II. Nợ dài hạn	330		195.204.999	40.896.162.004	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-	
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	195.204.999	40.896.162.004	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.182.832.007	13.489.778.007	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	13.107.000.000	13.107.000.000	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.107.000.000	13.107.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.107.000.000	13.107.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-	
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		75.832.007	382.778.007	
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	75.832.007	382.778.007	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.105.538.733	69.050.633.885	

44577
CHÍNH
ÔNG
KIỂM
SAC
TRANG


Trần Thị Em
Người lập


Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng




Lưu Minh Hưng
Giám Đốc

Cà Mau, ngày 13 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số : B 02 - DN

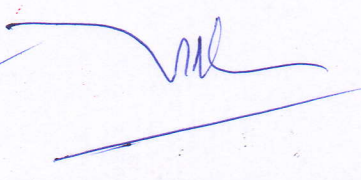
Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		37.260.503.995	38.828.353.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	18.181.818
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	37.260.503.995	38.810.171.624
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	26.255.699.048	25.744.983.087
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	11.004.804.947	13.065.188.537
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	15.382.785	17.870.561
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	1.110.225.013	1.361.395.341
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6.976.216.990	7.576.093.013
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.933.745.729	4.145.570.744
11. Thu nhập khác	31	VI.5	51.390.908	76.581.813
12. Chi phí khác	32	VI.6	14.440.523	9.750.000
13. Lợi nhuận khác	40		36.950.385	66.831.813
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	V.14	2.970.696.114	4.212.402.557
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	421.925.551	589.736.358
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.20	2.548.770.563	3.622.666.199
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	583	829

0-001-C
 HÁNH
 Y TNHH
 TOÁN
 VIỆT
 TP. CÀ MAU


 Trần Thị Em
 Người lập


 Nguyễn Quốc Tuấn
 Kế toán trưởng




 Lưu Minh Hưng
 Giám đốc

Cà Mau, ngày 13 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	38.836.967.640	44.496.191.133
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.598.743.611)	(10.281.484.460)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.675.804.115)	(20.211.930.256)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(462.267.915)	(684.927.275)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.108.056.230	2.084.919.948
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.004.381.259)	(11.708.362.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.796.173.030)	3.694.406.995
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(320.201.528)	(72.677.602)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.036.768	17.854.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(305.164.760)	(54.822.863)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.076.008.140)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.076.008.140)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.177.345.930)	3.639.584.132
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.509.002.740	8.869.418.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.331.656.810	12.509.002.740

Trần Thị Em
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng

Lưu Minh Hưng
Giám đốc

Cà Mau, ngày 13 tháng 01 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 13.107.000.000, tương ứng 1.310.700 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2021 như sau:

Cổ đông	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	1.204.300	12.043.000.000	91,88%
- Cổ đông là CBCNV	92.000	920.000.000	7,02%
- Các cổ đông khác	14.400	144.000.000	1,10%
Cộng	1.310.700	13.107.000.000	100,00%

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 573/QĐ – SGDHN ngày 21/10/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CAM. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 08/11/2021.

Ngày 10/12/2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8376/UBCK-GSĐC về việc dừng xem xét hồ sơ đăng ký công ty đại chúng do vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là dưới 30 tỷ đồng và số lượng nhà đầu tư không phải cổ đông lớn của Công ty nắm giữ dưới 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết nên không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng và chăm sóc cây xanh, công viên, vườn hoa;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Bán thùng rác công cộng và vật tư ngành môi trường;
- Thiết kế, giám sát các công trình công cộng, cây xanh, công viên, hệ thống điện chiếu sáng, thoát nước và vệ sinh môi trường.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước cũng như địa bàn tỉnh Cà Mau vì thế đã ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp kinh doanh sản xuất trên địa bàn dẫn đến doanh thu sụt giảm nhẹ nhưng chi phí đầu vào lại tăng cao, dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm mạnh. Tuy nhiên, nhìn chung mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đến kết quả kinh doanh của Công ty là nhẹ hơn so với các lĩnh vực khác trên địa bàn.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 195 người.

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên 2020 được bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020.

150-0
NHÀ
C TY
MTC
10V
ANG-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các kỳ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 23 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10 năm

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

5775
CHÍNH
ĐỒNG T
KIỂM
SAO
RANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được biếu, tặng, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các khoản chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 02/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 27/04/2021.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt	49.248.517		213.818.666
Tiền gửi ngân hàng	6.282.408.293	1.1	12.295.184.074
Cộng	<u>6.331.656.810</u>		<u>12.509.002.740</u>

1.1. Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- NH TMCP Công thương VN, CN Cà Mau	6.282.408.293	12.295.184.074
Cộng	<u>6.282.408.293</u>	<u>12.295.184.074</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.314.782.493	41.488.500	7.197.135.038	-
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Cà Mau	398.034.000	-	331.695.000	-
- Phòng Tài nguyên & Môi trường TP. CM	440.000.000	-	603.831.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải thu Phòng TCKH TP. Cà Mau	4.530.001.000	-	4.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Thành phố Cà Mau	2.447.087.003	41.488.500	1.718.697.719	-
- Các khách hàng khác	499.660.490		542.911.319	-
Cộng	8.314.782.493	41.488.500	7.197.135.038	-

3. Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	41.767.500	-	71.086.590	-
- Công ty CP Chứng khoán FPT, CN.TPHCM	-	-	19.250.000	-
- Công ty TNHH MTV DVBV Vệ sĩ Bảo An	-	-	30.909.090	-
- Các nhà cung cấp khác	41.767.500	-	20.927.500	-
Cộng	41.767.500	-	71.086.590	-

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Dự nợ 138 – Phải thu khác	-	-	1.014.254.287	-
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	1.014.254.287	-
- Phải thu chi phí cổ phần hoá	-	-	645.948.902	-
- Phải thu phần chi hộ cho lao động dôi dư	-	-	368.305.385	-
Dự nợ 141 – Tạm ứng	239.000.000	-	102.880.000	-
Dự nợ 244 – Ký quỹ	-	-	17.576	-
Dự nợ 3388 – Các khoản PT người lao động	127.668.899	-	131.083.504	-
- Các khoản phải thu người lao động	127.668.899	-	131.083.504	-
Cộng	366.668.899	-	1.248.235.367	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dự nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 như sau:

Khoản mục	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
+ Phải thu NH khách hàng	138.295.000	41.488.500	96.806.500
Cộng	138.295.000	41.488.500	96.806.500

Nợ khó đòi nêu trên đều được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	41.488.500	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	41.488.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2021	01/01/2021
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	335.484.118 6.1	238.253.273
Công cụ, dụng cụ trong kho	102.942.229	90.713.934
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	162.257.978 6.2	-
Hàng hóa tồn kho	113.561.000 6.3	123.372.742
Cộng giá gốc hàng tồn kho	714.245.325	452.339.949
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	714.245.325	452.339.949

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

6.1. Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu	326.987.024	226.160.922
- Nhiên liệu	8.497.094	12.092.351
Cộng	335.484.118	238.253.273

6.2. Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí vật tư, công cụ dụng cụ đã đưa vào sửa chữa đèn đường chưa quyết toán	162.257.978	-
Cộng	162.257.978	-

6.3. Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thùng rác các loại và các hàng hóa khác	113.561.000	123.372.742
Cộng	113.561.000	123.372.742

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	170.646.967	27.000.000
Chi phí bảo hộ lao động chờ phân bổ	51.772.745	43.240.990
Cộng	222.419.712	70.240.990

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Các khoản phải thu dài hạn

<i>Khoản mục</i>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Phải thu dài hạn khác	-	38.660.054.923
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>38.660.054.923</u>

Theo Công văn số 2435/STC – ĐTDN ngày 28/7/2021 của Sở tài Chính tỉnh Cà Mau và Công văn số 4414/UBND – KT ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Cà Mau, Công ty sẽ theo dõi khoản nợ quá hạn tiếp nhận từ Công ty TNHH Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau bàn giao từ năm 2015 không nằm trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ở chỉ tiêu ngoại bảng được quy định tại Thông tư số 36/2021/T – BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài Chính và định kỳ hàng quý báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2021 như sau:

	<u>Số tiền</u>
Tài sản cố định tăng do mua sắm mới	1.904.827.272
- Xe ép rác Isuzu BS 69C - 027 - 54	1.826.527.272
- Tài sản cố định khác	78.300.000
Tài sản cố định tăng do đầu tư XD/CB chuyển sang	34.028.801
- Nhà để xe	34.028.801
Cộng	1.938.856.073

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2021 như sau:

	<u>Số tiền</u>
Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh năm 2021	1.584.640.164
- Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh năm 2021	1.584.640.164
Cộng	1.584.640.164

10. Tài sản dở dang dài hạn

Công trình	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Chi phí lắp đặt phương tiện thủy	42.088.000	42.088.000
Cộng	42.088.000	42.088.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Chi phí sửa chữa tài sản	25.319.501	97.016.801
Cộng	25.319.501	97.016.801

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Phải trả các bên có liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và các cá nhân khác	82.597.000	141.714.300
- Công ty TNHH Sản Xuất TMDV và Xây dựng Đức Phát	-	73.001.500
- Các nhà cung cấp khác	82.597.000	68.712.800
Cộng	82.597.000	141.714.300

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Các bên có liên quan trả tiền trước	-	-
Các tổ chức và các cá nhân khác trả tiền trước	16.353.850	11.882.850
Cộng	16.353.850	11.882.850

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	-	397.067.678	2.240.422.824	2.037.844.471	-	599.646.031
- Thuế TNDN	-	9.912.767	421.925.551	462.267.915	30.429.597	-
- Thuế TNCN	-	-	41.374.370	41.374.370	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	17.816.363	17.816.363	-	-
Cộng	-	406.980.445	2.721.539.108	2.559.303.119	30.429.597	599.646.031

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%. Trong năm 2021, thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ – CP ngày 27/10/2021 của Chính Phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2021 được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.970.696.114	4.212.402.557
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.440.523	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.985.136.637	4.212.402.557
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	2.985.136.637	4.212.402.557
Trong đó,		
Thu nhập tính thuế được giảm 30%	2.918.362.944	4.212.402.557
Thu nhập tính thuế không được giảm 30%	66.773.693	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	597.027.327	842.480.511
Thuế TNDN được giảm	175.101.776	252.744.153
Tổng thuế TNDN phải nộp	421.925.551	589.736.358

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Phải trả người lao động

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền lương phải trả	5.107.753.114	5.014.835.162
Cộng	5.107.753.114	5.014.835.162

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả các bên có liên quan	-	2.764.829.358
UBND Tỉnh Cà Mau	-	2.764.829.358
- Tiền mua cổ phiếu ưu đãi của CBCNV	-	552.000.000
- Tiền thu từ bán cổ phần ra công chúng	-	226.080.000
- Vốn phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	1.406.669.848
- Quỹ đầu tư phát triển phải nộp về quỹ hỗ trợ quốc gia	-	580.079.510
Phải trả các đối tượng khác	776.455.679	1.094.299.565
- Cổ tức phải trả (*)	771.011.677	1.086.799.859
- Các khoản phải trả khác	5.444.002	7.499.706
Cộng	776.455.679	3.859.128.923

(*) Bao gồm cả cổ tức phải trả cho cổ đông Nhà nước năm 2021 là 702.559.944.

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Khoản mục	31/12/2021	01/01/2021
- Quỹ khen thưởng CBCNV	2.645.581.670	2.821.864.034
- Quỹ khen thưởng khách hàng	489.705.148	362.266.620
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	127.438.528	253.586.634
- Quỹ phúc lợi	1.881.970.707	1.792.434.906
Cộng	5.144.696.053	5.230.152.194

18. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
- Nhận bàn giao từ công ty cũ chuyển sang (*)	195.204.999	38.866.162.004
- Tạm ứng kinh phí mua 2 xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	-	2.000.000.000
- Các đối tượng khác (Dự Có TK 138)	-	30.000.000
Cộng	195.204.999	40.896.162.004

(*) Đây là khoản còn phải trả cho UBND Tỉnh Cà Mau sau khi đã đối trừ với khoản nợ đã xử lý Theo Công văn số 2435/STC – ĐTDN ngày 28/7/2021 của Sở tài Chính tỉnh Cà Mau và Công văn số 4414/UBND – KT ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Cà Mau như đã nêu tại mục V.8 của Bản Thuyết minh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.107.000.000	-	13.107.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	3.622.666.199	3.622.666.199
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(253.586.634)	(253.586.634)
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	-	(1.267.933.170)	(1.267.933.170)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	(362.266.620)	(362.266.620)
Trích quỹ phúc lợi	-	(652.079.915)	(652.079.915)
Chia cổ tức	-	(1.086.799.860)	(1.086.799.860)
Số dư cuối năm trước	13.107.000.000	-	13.107.000.000

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	13.107.000.000	-	13.107.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	2.548.770.563	2.548.770.563
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(127.438.528)	(127.438.528)
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	-	(1.070.483.636)	(1.070.483.636)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	(127.438.528)	(127.438.528)
Trích quỹ phúc lợi	-	(458.778.701)	(458.778.701)
Chia cổ tức	-	(764.631.170)	(764.631.170)
Số dư cuối năm nay	13.107.000.000	-	13.107.000.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	91,88	12.043.000.000	91,88	12.043.000.000
Công ty CBCNV	7,02	920.000.000	7,02	920.000.000
Các cổ đông khác	1,10	144.000.000	1,10	144.000.000
Cộng	100,00	13.107.000.000	100,00	13.107.000.000

(b) Phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2021	-
Lợi nhuận sau thuế năm nay	2.548.770.563
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	2.548.770.563
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	127.438.528
Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV	1.070.483.636
Trích quỹ khen thưởng cho khách hàng	127.438.528
Trích quỹ phúc lợi	458.778.701
Chia cổ tức	764.631.170
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2021	-

(c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	13.107.000.000	13.107.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	13.107.000.000	13.107.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	764.631.170	1.086.799.859

(d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: 764.631.170
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: 764.631.170
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(e) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.310.700	1.310.700
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu thường	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu thường	1.310.700	1.310.700
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Nguồn kinh phí

Khoản mục	31/12/2021	01/01/2021
- Nguồn kinh phí đầu năm	382.778.007	2.314.951.007
- Nguồn kinh phí nhận bàn giao trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	306.946.000	1.932.173.000
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	75.832.007	382.778.007

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	21.327.619.635	14.246.889.660	7.080.729.975	33,20%
- Doanh thu DV tư	11.352.118.174	7.163.150.791	4.188.967.383	36,90%
- Doanh thu rút hầm cầu	437.221.818	298.926.651	138.295.167	31,63%
- Doanh thu khác	5.693.211.997	4.036.015.985	1.657.196.012	29,11%
Doanh thu thuần	38.810.171.624	25.744.983.087	13.065.188.537	33,66%

1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	20.977.950.364	14.446.968.439	6.530.981.925	31,13%
- Doanh thu DV tư	11.422.753.625	7.971.642.290	3.451.111.335	30,21%
- Doanh thu rút hầm cầu	338.110.000	242.668.641	95.441.359	28,23%
- Doanh thu xây lắp	280.701.818	255.098.800	25.603.018	9,12%
- Doanh thu khác	4.240.988.188	3.339.320.878	901.667.310	21,26%
Doanh thu thuần	37.260.503.995	26.255.699.048	11.004.804.947	29,53%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	15.382.785	17.870.561
Cộng	15.382.785	17.870.561

3. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	779.081.880	1.171.876.216
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	94.500.000	81.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	34.072.666
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.643.133	74.446.459
Cộng	1.110.225.013	1.361.395.341

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.884.796.870	5.738.992.728
- Chi phí đồ dùng văn phòng	367.052.197	225.134.055
- Chi phí khấu hao TSCĐ	186.021.300	215.289.320
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	41.488.500	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	870.368.579	775.615.467
- Chi phí khác	623.489.544	618.061.443
Cộng	<u>6.976.216.990</u>	<u>7.576.093.013</u>

5. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý TSCĐ	-	69.218.182
- Thu tiền khách hàng vi phạm hợp đồng	7.654.540	-
- Thu nhập khác	43.736.368	7.363.631
Cộng	<u>51.390.908</u>	<u>76.581.813</u>

6. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xử lý cây xanh chết	-	9.750.000
- Chi phạt chậm nộp thuế	14.440.523	-
Cộng	<u>14.440.523</u>	<u>9.750.000</u>

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	421.925.551	589.736.358
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>421.925.551</u>	<u>589.736.358</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

8.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận sau thuế	2.548.770.563	3.622.666.199
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.784.139.393	2.535.866.339
Lợi nhuận sau thuế tính lãi CBTCP	<u>764.631.170</u>	<u>1.086.799.860</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.310.700	1.310.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>583</u>	<u>829</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8.2. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được tính theo lợi nhuận sau thuế đã trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quy định cụ thể tỷ lệ trích lập các quỹ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên vật liệu	4.697.886.660	3.422.525.978
- Chi phí nhân công	23.531.018.150	24.134.853.814
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.584.640.164	2.126.440.536
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	609.760.257	526.518.311
- Chi phí bằng tiền khác	3.765.372.511	4.006.966.941
Cộng	34.188.677.742	34.217.305.580

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty không có công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu nhập của Hội đồng quản trị	489.730.068	489.167.825
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	1.038.201.767	1.177.662.196
- Thu nhập của Ban kiểm soát	207.506.693	421.036.613
Tổng thu nhập	1.735.438.528	2.087.866.634

2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Quan hệ</i>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau	Cổ đông lớn

Công nợ với các bên liên quan khác

<i>Bên liên quan</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Cà Mau		
- Phải thu liên quan đến công tác cổ phần hóa	-	1.014.254.287
- Phải trả liên quan đến công tác cổ phần hóa và phải trả Ngân sách khác	-	2.764.829.358
Chênh lệch phải trả	-	1.750.575.071

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Cà Mau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực môi trường đô thị. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cà Mau, ngày 13 tháng 01 năm 2022

GIÁM ĐỐC


TRẦN THỊ EM


NGUYỄN QUỐC TUẤN



LƯU MINH HƯNG

